

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm;
loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ
và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số
91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm
sinh; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số
844/TTr-SNN, ngày 13 tháng 11 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối với các loài cây không quy định trong Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo quy định tại khoản 1 điều này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến các biện pháp lâm sinh, bao gồm:

- a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung;
- b) Nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng;
- c) Cải tạo rừng tự nhiên;
- d) Trồng rừng mới, trồng lại rừng; chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.

Điều 2. Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất

1. Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm trên địa bàn tỉnh Hoà Bình được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Hoà Bình được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện. Theo dõi, tổng hợp đề xuất của các địa phương, cơ quan, đơn vị, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục cho phù hợp với tình hình triển khai công tác phát triển rừng.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất để triển khai thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài Chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh Hoà Bình;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH&CB;
- Lưu: VT, KTN (Đg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

Phụ lục I**Danh mục các loài cây sinh trưởng nhanh, sinh trưởng chậm**

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Hoà Bình)

STT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
I	NHÓM LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH	
1	Bạch đàn Urô	<i>Eucalyptus urophylla</i> S.T.Blake
2	Bạch đàn lai	<i>Eucalyptus hybrid</i>
3	Bạch đàn Cự vĩ	<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus granitica</i>
4	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i> (Pierre) Craib ex Hartwiss
5	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i> Willd
6	Keo lai	<i>Acacia hybrid</i>
7	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i> A.Cunn. ex Benth
8	Mỡ	<i>Mangletia conifera</i> Dandy
9	Trẩu (Trẩu lá xẻ, Trẩu 3 hạt)	<i>Vernicia Montana</i> Lour
II	NHÓM LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG CHẬM	
1	Dẻ ăn hạt	<i>Castanea mollissima</i> Blume và <i>Castanopsis boisii</i> Hickel et Camus
2	De gùg	<i>Cinnamomum bejolghota</i> (Buch-Ham) Sweet
3	Giáng hương	<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz.
4	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i> Dandy
5	Giổi ăn hạt	<i>Michelia tonkiensis</i> Dandy
6	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i>
7	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i>
8	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss
9	Lim xanh	<i>Erythrophleum fordii</i>
10	Muồng đen	<i>Senna siamea</i> (Lam.) H.s.Irwin & Bameby
11	Mắc ca	<i>Macadamia integrifolia</i> Maid. Et Betché
12	Pơ mu (Mạy vạc, Hong he)	<i>Fokienia hodginsii</i> Herry et Thomas
13	Quế	<i>Cinamomum cassia</i> Presl
14	Sa mộc (Sa mu)	<i>Cunninghamia lanceolata</i> (Lamb.) Hook
15	Sơn tra	<i>Docynia indica</i> (Wall) Dec
16	Sấu	<i>Dracontomelon duperreanum</i> Pierre
17	Sưa	<i>Dalbergia tonlinensis</i>
18	Thông caribe	<i>Pinus caribaea</i> Morelet
19	Thông mã vĩ	<i>Pinus massoniana</i> Lamb
20	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i> Royle ex Gordon
21	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i> Junght. et de Vries
22	Tông dù	<i>Toona sinensis</i> (A. Juss) Roem
23	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i> Dai & Ykovl
25	Trám trắng	<i>Canarium album</i> (Lour) Raeusch
26	Tếch	<i>Tectona grandis</i> Linn.f
27	Tổng quá sủ	<i>Alnus nepalensis</i> D.Don
28	Vối thuốc (Gỗ ngứa)	<i>Schima wallichii</i> Choisy
29	Vù Hương (xá xỉ, re hương)	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>
30	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i> L.
31	Xoan đào	<i>Prunus arborea</i>
31	Gáo vàng	<i>Nauclea orientalist</i> L; <i>Sarcocophalus coadulata</i> . Druce

Phụ lục II
Danh mục các loài cây mục đích, cây phi mục đích
đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của
UBND tỉnh Hoà Bình)

STT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Phòng hộ	Sản xuất
I	NHÓM LOÀI CÂY MỤC ĐÍCH			
1	Bạch đàn cự vĩ	<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus granitica</i>		X
2	Bạch đàn urô	<i>Eucalyptus urophylla</i>		X
3	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis</i>	X	X
4	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i>		X
5	Bời lời	<i>Litsea cubeba</i>	X	X
6	Bương	<i>Dendrocalamus aff. sinicus</i>	X	X
7	Cáng lò	<i>Betula alnoides</i>	X	X
8	Chè Shan	<i>Camellia sinensis</i>	X	X
9	Chò chỉ	<i>Parashorea chinensis</i>	X	X
10	Chò nâu	<i>Dipterocarpus retusus</i>	X	
11	Chò xanh	<i>Terminalia myriocarpa</i>		
12	Dâu da	<i>Baccaurea ramiflora</i>	X	
13	Dẻ ăn quả	<i>Castanopsis boisii</i>	X	X
14	Dẻ gai ấn độ	<i>Castanopsis indica</i>	X	X
15	Dẻ gai lá dày	<i>Castanopsis crassifolia</i>	X	X
16	Đa búp đỏ	<i>Ficus elastica</i>	X	
17	Đa lông	<i>Ficus drupacea</i>	X	
18	Đàn Hương	<i>Santalum album L</i>		X
19	Đinh	<i>Markhamia stipulata</i>	X	X
20	Đinh vàng	<i>Fernandoa collignonii</i>	X	X
21	Gáo	<i>Anthocephalus indicus</i>	X	X
22	Gáo vàng	<i>Nauclea orientalis</i>	X	X
23	Giổi ăn hạt	<i>Michelian tonkinensis</i>	X	X
24	Giổi bà	<i>Michelia balansae</i>	X	X
25	Giổi găng	<i>Paramichelia baillonii</i>	X	X
26	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i>	X	X
27	Gội nếp	<i>Aglaia spectabilis</i>	X	X
28	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i>	X	X
29	Gụ mật	<i>Sindora siamensis</i>	X	X
30	Hôi	<i>Illicium verum</i>		X
31	Hông	<i>Paulownia tomentosa</i>		X
32	Huỳnh đàn hai tuyến	<i>Dysoxylum gotadhora</i>	X	
33	Kè đuôi giông	<i>Markhamia stipulata</i>		X
34	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i>		X
35	Keo lai	<i>Acacia hybrid</i>		X
36	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i>		X
37	Kháo	<i>Machilus odoratissima</i>	X	X
38	Kim giao	<i>Podocarpus fleuryi</i>	X	X
39	Lá nèn	<i>Macaranga sampsonii</i>		X

40	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i>		X
41	Lát khét	<i>Toona sureni</i>		X
42	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i>	X	X
43	Lim xẹt	<i>Peltophorum dasyrrhachis</i> var. <i>tonkinense</i>	X	X
44	Long não	<i>Cinnamomum camphora</i>	X	X
45	Mắc ca	<i>Macadamia integrifolia</i>	X	X
46	Mán đĩa	<i>Archidendron clypearia</i>		X
47	Màng tang	<i>Litsea cubeba</i>		X
48	Me	<i>Tamarindus indica</i>	X	
49	Me rừng	<i>Phyllanthus emblica</i>	X	
50	Mỡ	<i>Mangletia conifera</i>		X
51	Móng bò sọc	<i>Banhinia variegata</i>		X
52	Móng bò tím	<i>Bauhinia purpurea</i>		X
53	Mun	<i>Diospyros mun</i>	X	X
54	Muồng xanh	<i>Albizia procera</i>		X
55	Ngát	<i>Gironniera subaequalis</i>	X	
56	Nghiến	<i>Burretiodendron hsienmu</i>	X	X
57	Ngọc lan lông	<i>Magnolia albosericcea</i>	X	X
58	Nhội	<i>Bischofia trifoliata</i>	X	X
59	Nụ	<i>Garcinia xanthochymus</i>		X
60	Ốc chó	<i>Juglans regia</i>	X	X
61	Phay sừng	<i>Duabaga sonneratioides</i>	X	
62	Pơ mu	<i>Fokienia hodginsii</i>	X	X
63	Quế	<i>Cinnamomum cassia</i>	X	X
64	Ràng ràng mít	<i>Ormosia balansae</i>	X	X
65	Re gừng	<i>Cinnamomum bejolghota</i>	X	X
66	Re hương	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>	X	X
67	Sa mộc (Sa mu)	<i>Cunninghamia lanceolata</i>	X	X
68	Sâng	<i>Amesiodendron chinensis</i>	X	
69	Sang máu	<i>Horsfieldia amygdalina</i>		X
70	Sảng nhung	<i>Sterculia lanceolata</i>		X
71	Sanh	<i>Ficus benjamina</i>	X	
72	Sao đen	<i>Hopea odorata</i>	X	X
73	Sấu	<i>Dracontomelum duperreanum</i>	X	X
74	Sau sau	<i>Liquidambar formosana</i>	X	
75	Sến mật	<i>Madhuca pasquieri</i>	X	X
76	Si	<i>Ficus retusa</i> var. <i>nitida</i>	X	
77	Sồi phẳng	<i>Castanopsis cerebrina</i>	X	X
78	Sồi xanh	<i>Lithocarpus pseudosundaicus</i>	X	X
79	Sơn tra	<i>Docynia indica</i>	X	X
80	Sưa	<i>Dalbergia tonkinensis</i>	X	X
81	Sữa	<i>Alstonia scholaris</i>	X	

82	Táo Mậ	<i>Vatica tonkinensis</i> A.Chev	X	X
83	Táo muối	<i>Vatica odorata</i>	X	X
84	Tếch	<i>Tectona grandis</i>		X
85	Thầu tàu lá dày	<i>Aporosa tetrapleura</i>	X	
86	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i>	X	X
87	Thông mã vĩ	<i>Pinus massoniana</i>	X	X
88	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i>	X	X
89	Thừng mực lông	<i>Wrightia pubescens</i>	X	X
90	Tông dù	<i>Toona sinensis</i>		X
91	Tổng quá sủ	<i>Alnus nepalensis</i>	X	X
92	Trai lý	<i>Garcinia fagraeoides</i>	X	X
93	Trám chim	<i>Canarium tonkinense</i>	X	X
94	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i>	X	X
95	Trám hồng	<i>Canarium bengalense</i>	X	X
96	Trám trắng	<i>Canarium album</i>	X	X
97	Trầu	<i>Vernicia motana</i>		X
98	Trường mật	<i>Pometia pinnata</i>	X	
99	Vàng anh	<i>Sacara dives</i>	X	
100	Vàng tâm	<i>Manglietia dandyi</i>	X	X
101	Vàng trứng	<i>Endospermum chinense</i>	X	X
102	Vối thuốc	<i>Schima wallichii</i>	X	X
103	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis</i>		X
104	Xoan đào	<i>Prunus arborea</i>		X
105	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i>		X
II	NHÓM LOÀI CÂY PHI MỤC ĐÍCH			
1	Ba bét lông	<i>Mallotus barbatus</i>		
2	Ba soi	<i>Macaranga denticulata</i>		
3	Ban trắng	<i>Bauhinia variegata</i>		
4	Bọ nẹt	<i>Alchornea rugosa</i>		
5	Bứa	<i>Garcinia obolongifolia</i>		
6	Coi	<i>Pterocarya tonkinensis</i>		
7	Dọc	<i>Garcinia multiflora</i>		
8	Duối	<i>Streblus asper</i>		
9	Đu đủ rừng	<i>Trevesia cavaleriei</i>		
10	Gạo	<i>Bombax ceiba</i>		
11	Hu đay	<i>Trema orientalis</i>		
12	Me	<i>Tamarindus indica</i>		
13	Me rừng	<i>Phyllanthus emblica</i>		
14	Muối	<i>Rhus chinensis</i>		
15	Ngái	<i>Ficus hispida</i>		
16	Núc nác	<i>Oroxylon indicum</i>		
17	Sổ xoan	<i>Dillenia ovata</i>		
18	Sống rắn	<i>Albizia chinensis</i>		
19	Sung	<i>Ficus racemosa</i>		
20	Thần mát	<i>Millettia ichthyotona</i>		
21	Thành ngạnh	<i>Cratoxylon palyanthm</i>		
22	Thổ mật	<i>Bridelia monoica</i>		
23	Vả	<i>Ficus auriculata</i>		